

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày: 09/7/2024

V/v “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản trên đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Kiên Ngọc Minh.

2/. Ông Trương Thanh Nhân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản trên đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-DS, ngày 24/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐ-HPT ngày 21/6/2024 giữa:

Nguyên đơn: bà Lê Thị K, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp 6, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ ấp 5, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1944; (vắng mặt -có đơn xin vắng mặt)

2/Bà Lê Thị C, sinh năm 1949; (vắng mặt -có đơn xin vắng mặt)

3/Ông Lê Văn T, sinh năm 1951; (vắng mặt -có đơn xin vắng mặt)

4/Ông Lê Văn Bé B, sinh năm 1974; (vắng mặt -có đơn xin vắng mặt)

5/Ông Lê Văn Răng A, sinh năm 1955 (vắng mặt -không có lý do)

- Cùng địa chỉ: ấp 5, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/Ông Lê Minh L, sinh năm 1953; địa chỉ: 33/10F, Phạm Thái B, khóm 4, phường Y, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt -có đơn xin vắng mặt)

7/Ông Lê Thái H, sinh năm 1962; địa chỉ khóm 4, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt -có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kiều trình bày: cụ Nguyễn Thị H và cụ Lê Văn G, có tất cả 08 người con ruột gồm: bà Lê Thị N, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Minh L, ông Lê Văn Răng A, ông Lê Thái H (Lê Văn Răng E), bà Lê Thị L và bà Lê Thị K. Cụ H chết vào ngày 25/8/2008.

Di sản của cụ H chết để lại gồm: Đất các thửa: thửa 1133B, diện tích 6.420 m², loại đất trồng lúa; Thửa 1134A, diện tích 2.170 m², loại đất trồng lúa; thửa 664, diện tích 1.600 m², loại đất ở quả; các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 5, xã An T, huyện C, tỉnh Trà Vinh và tài sản trên thửa đất là 01 ngôi nhà diện tích 118 m², kết cấu cột bằng bê tông cốt thép, kèo đòn tay bằng cây xây dựng, nền lót gạch men, vách tường, mái lợp tol thiếc, căn nhà được xây dựng trên thửa 664, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 5, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nay, bà K yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H chết để lại chia cho 08 người con của cụ H, cụ G là: bà Lê Thị N, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Minh L, ông Lê Văn Răng A, ông Lê Thái H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị K. Trường hợp không chia thừa kế bằng hiện vật được thì bà L nhận tài sản và giao giá trị tài sản cho những người thuộc hàng thừa kế.

Tại phiên tòa, bà K thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà K chỉ yêu cầu được chia di sản thừa kế do bà H chết để lại, bà K chỉ yêu cầu chia một phần di sản thừa kế do bà H chết để lại là một phần quyền sử dụng đất thửa 1133B, 01 phần thửa đất 1134A và bà yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất đối với số tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng, diện tích còn lại của hai thửa 1134A và 1133B và diện tích đất, tài sản trên thửa 664, diện tích 1600 m² bà K đồng ý để lại cho bà L được nhận toàn bộ di sản của cụ H chết để lại.

Bị đơn bà Lê Thị L có mặt tại phiên tòa có lời trình bày: Về nguồn gốc diện tích các thửa đất 1133B, 1134A, thửa 664 và tài sản trên thửa 664 bà L thống nhất với lời trình bày của bà K.

Tại phiên tòa hôm nay, bà K thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, bà đồng ý chia giá trị một phần di sản do cụ H chết để lại với số tiền chia cho bà Kiều là 40.000.000 đồng, bà đồng ý nhận di sản do cụ H chết để lại và không còn ý kiến hay lời trình bày nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết án và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị N, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Minh L, ông Lê Văn Răng A, ông Lê Thái H (tên gọi khác Lê Văn Răng E), trình bày: Về nguồn gốc các thửa đất 1133B, 1134A, thửa 664 và tài sản trên thửa đất 664, các ông, bà thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị K. Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan họ đều thừa nhận lúc còn sống cụ H đã chia quyền sử dụng đất cho các con gồm: bà N, bà C, ông T, ông L ông Răng A và bà K mỗi người được cho

05 công đất. Riêng bà L và ông H thì chưa được cụ H chia cho diện tích đất nào nhưng các thửa đất 664, 1134A thì cụ H đã chia cho bà L, thửa 1133B, cụ H chia cho ông H nhưng do ông H, bà L chưa làm thủ tục nhận tặng cho thì cụ H chết.

Nay, bà N, bà C, ông T, ông L, ông Răng A, ông H không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 1133B, 1134A và thửa 664 đồng thời bà N, bà C, ông T, ông L, ông H thống nhất để lại các thửa 1133B, 1134A, 664 cùng toàn bộ tài sản trên thửa 664 (căn nhà cấp 4) cho bà Lê Thị K được nhận thừa kế với lý do bà L là người đã sống chung với cụ H và bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Hiền khi cụ H còn sống.

Riêng ông Lê Văn Răng A cũng không yêu cầu chia di sản do cụ H chết để lại và đồng ý cho bà L được thừa kế các thửa đất 1133B, 1134A, 664 cùng tài sản trên thửa 664. Nhưng ông Răng A yêu cầu bà L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 250 m² và bồi thường 504 gia lúa. Do trong quá trình bà Liễu canh tác thửa đất liền kề (thửa 1134A) đã lấn chiếm (thửa 1134B) của ông đang canh tác, việc bà L lấn chiếm đất của ông đã 27 năm. Việc bà L trả lại diện tích đất lấn chiếm và bồi thường 504 gia lúa, bà L phải trực tiếp đến gặp ông để giải quyết, ông Răng A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bà L lấn chiếm diện tích đất 250 m².

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn theo đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Chỉ yêu cầu được chia giá trị di sản của cụ H chết để lại với số tiền 40.000.000 đồng, các đương sự có mặt tại phiên tòa không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới.

Quan điểm của Kiểm sát viên kết luận trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và hôm nay tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Tuy nhiên đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm nghĩa vụ và quyền của mình tại các Điều 70, 73 BLTTDS vì còn vắng mặt tại các buổi hòa giải mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Điều 649, 651 BLDS 2015.

Áp dụng Điều 100, 101, 104, 126, 166, 179, 203 Luật đất đai năm 2013

Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Lê Thị K. Công nhận thửa đất số Thửa 1133B, diện tích 6.420 m², thửa 1134A diện tích 2.170 m², thửa 664 diện tích 1.600

m² cùng tài sản trên đất cho bà Lê Thị L được tiếp tục quản lý sử dụng. Buộc bà L hoàn lại giá trị 40.000.000đ cho bà Lê Thị K.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, các bên đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, cấm thay đổi hiện trạng đất dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

(Kèm theo sơ đồ khu đất 506 ngày 23/11/2023)

Các bên đương sự liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Chi phí khảo sát và định giá: các bên đương sự phải chịu theo quy định.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trừ trường hợp được miễn nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị K, yêu cầu chia giá trị tài sản chưa phân chia của cụ H, đây là vụ án “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản trên đất” theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Minh L, ông Lê Thái H (Lê Văn Răng E), vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Văn Răng A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về người thừa kế:

Cụ Trần Thị H chết vào ngày 25/10/2008 và cụ Lê Văn Giới (chết năm 1972) có 08 người con: bà Lê Thị N, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Minh L, ông Lê Văn Răng A, ông Lê Thái H (Lê Văn Răng E), bà Lê Thị L và bà Lê Thị K.

Theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự về người thừa kế theo pháp luật thì hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Lê Thị N, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Minh L, ông Lê Văn Răng A, ông Lê Thái H (Lê Văn Răng E), bà Lê Thị L và bà Lê Thị K.

[3.2] Về di sản thừa kế: Di sản thừa kế là 01 ngôi nhà diện tích 118 m², kết cấu cột bằng bê tông cốt thép, kèo đòn tay bằng cây xây dựng, nền lót gạch men, vách tường, mái lợp tol thiếc, căn nhà được xây dựng trên thửa 664, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 5, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất gồm các thửa như sau: Thửa 1133B diện tích 6.420 m², thửa 1134A diện tích 2.170 m², thửa 664 diện tích 1.600 m² các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 5, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Các đương sự thừa nhận đây là di sản của cụ H để lại chưa có phân chia.

[3.3] Về kết quả thẩm định tài sản do Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp ngày 23/11/2023 thửa 1133B, diện tích 6456,1 m², loại đất trồng lúa; thửa thửa

1134AB, diện tích 2.109,3 m², loại đất trồng lúa; thửa 664, diện tích 1.539,6 m², loại đất ở, quả; các thửa đất này bà Lê Thị L hiện đang quản lý sử dụng.

[3.4] Tại các lời khai khai của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất (từ bút lục 173-185 và bút lục số 209) đều thừa nhận: bà N, bà C, ông T, ông L, ông Răng A, bà K mỗi người được cụ H chia cho 05 công đất ruộng. Riêng bà L và ông H thì chưa được bà H chia cho diện tích đất nào nhưng các thửa đất 664, 1134A thì cụ H đã chia cho bà L, thửa 1133B, cụ H chia cho ông H nhưng do ông H, bà L chưa làm thủ tục nhận tặng cho thì cụ H chết. Khi cụ H còn sống, bà L là người đã sống chung với cụ H và bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cụ H.

Cho nên mục **[3.1]** **[3.2]** **[3.3]** **[3.4]** là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh được các đương sự thừa nhận theo quy tại Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3.5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K: Tại phiên toà, bà K thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà K chỉ yêu cầu bà L hoàn trả giá trị di sản của cụ H để lại với số tiền là 40.000.000 đồng, đồng thời bà K đồng ý cho bà L được nhận toàn bộ di sản của cụ H để lại. Bị đơn bà L đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn yêu cầu được nhận toàn bộ di sản do cụ H để lại do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất không yêu cầu chia di sản và nhường kỹ phần di sản thừa kế do cụ H để lại cho bà L nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự tại phiên toà giữa bà Lê Thị K và bà Lê Thị L theo đó bà L có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà K với số tiền là 40.000.000 đồng. Bà L được nhận thừa kế toàn bộ di sản do cụ H để lại gồm: Quyền sử dụng đất thửa 1133B, diện tích 6456,1 m², loại đất trồng lúa; thửa thửa 1134AB, diện tích 2.109,3 m², loại đất trồng lúa; thửa 664, diện tích 1.539,6 m², loại đất ở, quả cùng toàn bộ tài sản trên thửa 664 bao gồm: 01 ngôi nhà diện tích 118 m², kết cấu cột bằng bê tông cốt thép, kèo đòn tay bằng cây xây dựng, nền lót gạch men, vách tường, mái lợp tol thiếc,

[3.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị N, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Minh L, ông Lê Thái H tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H để lại và đồng ý để lại phần di sản được chia thừa kế để lại cho bà Lê Thị L được nhận toàn bộ di sản do cụ H để lại. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự.

[3.5] Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn Răng A cũng không yêu cầu chia di sản do cụ H chết để lại chưa phân chia. Nhưng ông Răng A yêu cầu bà L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 250 m² và bồi thường 504 gia lúa do bà L đã lấn chiếm đất của ông Răng A đã 27 năm. Xét thấy, việc ông Răng A cho rằng bà L trong quá trình sử dụng đất có lấn sử dụng đất của ông khoảng 250 m² nhưng ông Răng A không có đơn khởi kiện để yêu cầu Toà giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Số tiền 7.500.000 đồng. Căn cứ Điều 157 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà L phải chịu 6.000.000 đồng, bà K phải chịu 1.500.000 đồng, các đương sự đã nộp đủ lệ phí thẩm định định giá tài sản.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà Lê Thị L, bà Lê Thị K là con của Liệt sĩ (Lê Văn G) và là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm tiền tạm ứng án phí và án phí, nghị nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100, 101, 104, 126, 166, 179, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K về yêu cầu bà Lê Thị L chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất di sản chưa phân chia của cụ Trần Thị H.

Buộc bà Lê Thị L trả cho bà Lê Thị K số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), tiền giá trị quyền sử dụng đất mà bà Lê Thị K được chia thừa kế đối với di sản chưa phân chia của cụ Trần Thị H.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị N, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Minh L, ông Lê Văn Răng A, ông Lê Thái H về việc nhường kỷ phần thừa kế để cho bà Lê Thị L được nhận toàn bộ di sản thừa kế của cụ Hiền để lại.

Bà Lê Thị L được nhận thừa kế toàn bộ di sản chưa phân chia của cụ Trần Thị H để lại gồm: Quyền sử dụng đất thửa 1133B, diện tích 6456,1 m², loại đất trồng lúa; thửa thửa 1134AB, diện tích 2.109,3 m², loại đất trồng lúa; thửa 664, diện tích 1.539,6 m², loại đất ở, quả cùng toàn bộ tài sản trên thửa 664 bao gồm: 01 ngôi nhà diện tích 118 m², kết cấu cột bằng bê tông cốt thép, kèo đòn tay bằng cây xây dựng, nền lát gạch men, vách tường, mái lợp tol thiếc,

Các thửa đất 1133B, 1134A, 664 thuộc tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 5, xã An T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Diện tích cụ thể và vị trí tứ cận được thể hiện theo sơ đồ khu đất kèm công văn số 506/CNHCL ngày 23/11/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Lê Văn Răng A không yêu cầu chia di sản chưa phân chia của cụ H để lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để chỉnh lý biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Để đảm bảo cho việc Thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất và huê lợi gắn liền với đất, không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất trồng thêm trong diện tích đất tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2/Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Số tiền 7.500.000 đồng bà Lê Thị K phải nộp 1.000.000 đồng, bà Lê Thị L phải nộp 6.500.000 đồng. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí thẩm định, định giá tài sản.

3/Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị L, bà Lê Thị K.

4/Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Huỳnh Sa Rên